

Tạp chí Xã hội học trước nhu cầu đổi mới

GS. TƯỜNG LAI

Tổng Biên tập Tạp chí Xã hội học, Viện trưởng Viện Xã hội học

Xin chân thành cảm ơn các chị, các anh đã đến dự cuộc họp mặt cộng tác viên của Tạp chí Xã hội học, chân thành cảm ơn về sự cộng tác giúp đỡ quý báu của các chị, các anh vào những thành tựu mà Tạp chí đã đạt được trong năm qua và những năm trước đây.

Như các chị, các anh đã biết, Xã hội học là một bộ môn khoa học phát triển chậm ở Việt Nam so với các bộ môn khoa học xã hội khác. Trong lúc đó thì xã hội Việt Nam lại là một xã hội đã và đang trải qua những biến đổi dữ dội. Thế nhưng, "xã hội - bất cứ dưới hình thái nào là gì"? Mác đặt câu hỏi và trả lời: "Nó là sản phẩm của sự tác động lẫn nhau giữa người và người".

Nói xã hội, xét đến cùng, là nói đến con người, nói đến những nhóm người, những tầng lớp, những tập đoàn người, những giai cấp và những thiết chế do con người tạo ra. Xã hội học hướng vào nghiên cứu sự tác động lẫn nhau giữa người và người, sự tác động ấy làm thành mối quan hệ xã hội. Trong những tương tác giữa người và người tạo thành quan hệ xã hội, Xã hội học đặc biệt chú ý đến ứng xử tập thể của các nhóm, các cộng đồng để tìm ra cơ chế vận hành trong sự tác động qua lại của các quan hệ ấy. Cho đến hiện nay thì công việc của nhà xã hội học trong tìm hiểu, phát hiện và phân tích các sự kiện xã hội vẫn cố gắng bám sát các sự kiện đang diễn ra, thu thập những thông tin cập nhật, tỉnh táo xử lý và phân tích các số liệu theo những phương pháp có độ tin cậy cao. Ý tưởng của Auguste Comte vẫn có ý nghĩa nhắc nhở và gợi ý trong khảo sát những sự kiện và cảm nhận, phân tích diễn biến của hiện thực: "nghiên cứu thực chứng toàn bộ các quy luật cơ bản của các hiện tượng xã hội". Nhà xã hội học không thể tự giam mình trong các trang sách, trong những luận thuyết, để thờ ơ với cuộc sống sôi động đang diễn ra từng giờ. Mà cuộc sống thì đây bất ngờ, đây ngẫu nhiên đòi hỏi sự cảm nhận và phân tích của một đầu óc tỉnh táo và sáng tạo, không câu nệ, không né tránh nhưng cũng không nhẹ dạ, cả tin!

Trong thời gian vừa qua, Tạp chí Xã hội học đã cố gắng tìm chọn và giới thiệu những suy nghĩ, phát hiện, tìm tòi theo hướng đó của những tác giả trong và ngoài Viện. Công việc này không dễ. Vì thế, chúng tôi tâm niệm rằng, nếu mỗi số Tạp chí mà có được một vài bài được độc giả nhìn nhận về sự nghiêm túc trong nghiên cứu và có tìm tòi, tranh trở, phát hiện trong ý tưởng; mạnh dạn và dám chịu trách nhiệm trong sự trình bày, thì đã là một thành tựu có thể ghi nhận. Tuy vậy, cũng phải nói rằng, vẫn đang còn hiếm những bài Tạp chí Xã hội học giúp cho người đọc suy nghĩ, **"để xem thử thực ra có gì, bên dưới một lớp sơn phủ ngoài gồm những ý niệm có sẵn"** như lời của Từ Chi, một

học giả đáng kính đã quá cố, một cộng tác viên quý báu của Tạp chí Xã hội học đã từng viết trên Tạp chí cách đây 10 năm!

Hiếm, nhưng không phải là không có. Đó là niềm tự hào của chúng tôi và cũng là sự mong mỏi của chúng tôi về sự đóng góp của các anh, các chị cho Tạp chí Xã hội học trong thời gian tới, trong những bước đi về phía trước. Những bước đi không suôn sẻ và sức cản đang còn quá lớn, song, nếu những bước đi đó là thuận chiều với cuộc sống thì dù gian nan, cũng nhích dần đến những cái đích đáng mơ ước. Vì rằng, cuộc sống vốn mạnh hơn tất cả những công thức xơ cứng đã học thuộc lòng. Mà Xã hội học lại là bộ môn khoa học ra đời từ trong đòi hỏi của cuộc sống, tiếp nhận từ hơi thở của cuộc sống những tri thức, và kinh nghiệm để tồn tại và phát triển.

25.12.1998

GS. ĐẶNG THANH LÊ

Trường Đại học Quốc gia Hà Nội

Tôi là cộng tác viên của một số Tạp chí thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia như Tạp chí Văn học, Tạp chí Xã hội học, Tạp chí Khoa học và Phụ nữ. Theo tôi nghĩ, Viện Xã hội học và Tạp chí Xã hội học đã chú ý đến hướng nghiên cứu liên ngành và tập hợp các cộng tác viên thuộc nhiều lĩnh vực khoa học. Qua quá trình cộng tác, tôi thấy điều đó có mặt xuất phát từ yêu cầu và lợi ích của phía Xã hội học mà cũng có lợi ích cho các ngành khoa học khác, vì với Xã hội học, các lĩnh vực chuyên môn khác có thuận lợi trong việc thực hiện hướng nghiên cứu ứng dụng.

Với cơ chế thị trường, dường như "hàng chợ" đã xuất hiện, không chỉ trên các lĩnh vực sản phẩm vật chất mà còn trên các lĩnh vực văn hóa. Nhưng nhiều Tạp chí có truyền thống ở Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia không bị sa vào khuynh hướng nói trên. Hướng đi đảm bảo chất lượng khoa học của các Tạp chí khoa học trong bối cảnh hiện nay là điều đáng quý và sẽ có lợi ích dài lâu vì cạnh tranh có hiệu quả trước hết phải là cạnh tranh bằng chất lượng.

Tôi cũng nghĩ rằng hướng nghiên cứu liên ngành của Xã hội học rất lớn. Xã hội học có thể liên ngành cả với khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Đặc biệt trong khoa học xã hội, Xã hội học có quan hệ với tất cả các ngành. Nếu biết khai thác cũng có thể tận dụng, phát huy bản chất của các ngành khác để phục vụ Xã hội học. Gần đây, văn hóa là một trong những lĩnh vực nghiên cứu nổi lên hàng đầu. Xã hội học cũng cần phải quan tâm đến vấn đề đó. Trong sự phát triển xã hội hiện nay, văn hóa là một trong những nhân tố có ý nghĩa quan trọng lớn. Về mặt đó, tôi nghĩ các đồng chí nên quan tâm vận dụng mối liên ngành văn hóa - xã hội học để có thể đáp ứng được các mục tiêu đa dạng của Xã hội học.

Có thể do xuất phát từ thực tiễn, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia đã thành lập Trung tâm nghiên cứu về phụ nữ. Nhưng Viện Xã hội học, Tạp chí Xã hội học dường như có phần ít quan tâm đến một đối tượng nghiên cứu của chính bản thân mình. Đã có Xã hội học gia đình, Xã hội học nông thôn, Xã hội học thanh niên... thì cũng có thể nói thêm về Xã hội học phụ nữ. Theo tôi, không nên quy định một chức năng khoa học nhất định chỉ thuộc về tổ chức nhất định. Viện Xã hội học chưa phối hợp nhiều với các tổ chức nghiên cứu phụ nữ. Tạp chí cũng chưa phản ánh nhiều những vấn đề về Xã hội học phụ nữ. Chúng

tôi mong muốn rằng Tạp chí Xã hội học sẽ quan tâm đến vấn đề này hơn nữa, trước hết là vì có nhiều nhà Xã hội học đã có những công trình nghiên cứu về phụ nữ có giá trị khoa học cao.

Đ/C VŨ QUỐC TUẤN

Chuyên gia cao cấp Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ

Tôi là người vinh dự được Tạp chí Xã hội học đăng một bài trong số 4/1998 bàn về việc tạo môi trường kinh tế-xã hội cho việc phát triển các doanh nghiệp ở nước ta hiện nay. Thế thì, trước hết, phải cảm ơn anh Tương Lai bởi vì lĩnh vực mà chúng tôi nghiên cứu là lĩnh vực kinh tế chứ không phải lĩnh vực xã hội. Nhưng chúng tôi cũng nhận thức ngày càng sâu sắc rằng kinh tế và xã hội gắn bó chặt chẽ với nhau, đến mức như hai cái là một. Nếu mà nghiên cứu về xã hội mà quên kinh tế thì không phải, mà nghiên cứu về kinh tế quên vấn đề xã hội trong kinh tế thì lại càng sai. Thực tế cũng chỉ ra rằng, nếu như nghiên cứu về kinh tế mà quên các vấn đề xã hội trong kinh tế thì kinh tế không lên được, không ra được. Các anh, các chị là những người nghiên cứu sâu về xã hội học thì các vấn đề xã hội học chắc sẽ giỏi hơn chúng tôi. Nhưng điều đầu tiên tôi muốn nói là anh Tương Lai đã đề cập được đến vấn đề doanh nghiệp, vấn đề doanh nhân trong Tạp chí Xã hội học là một điều mà chúng tôi rất hoan nghênh, rất phấn khởi.

Điều thứ hai là, chúng tôi nghĩ rằng Xã hội học là lĩnh vực rất rộng bởi vì đến đâu cũng đụng chạm đến vấn đề xã hội cả: trong kinh tế có xã hội, trong đời sống có xã hội, trong các quan hệ người với người đều có vấn đề xã hội. Trong lĩnh vực kinh tế chúng tôi, nói đến quan hệ kinh tế tức là nói mối quan hệ giữa người với người, nói về quan hệ sản xuất thì nó đụng chạm đến vấn đề xã hội rất lớn. Thế thì hiện nay có vấn đề gì trong kinh tế mà xét về mặt xã hội phải tính đến. Nếu nói về giới, các anh, các chị có phân ra: công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ... Thế nhưng, đứng về kinh tế thị trường, chúng tôi nghĩ rằng hiện nay có ba lớp người mà cần phải đề cập và tôn vinh, sắp xếp trật tự thì có thể tùy, đại thể là:

+ Một là các nhà doanh nghiệp (cũng gọi là doanh nhân), trước đây chỉ có doanh nghiệp nhà nước, ông giám đốc là do nhà nước cử, còn bây giờ kinh tế thị trường có nhiều thành phần, nhiều doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần khác nhau, mà nếu nói về những doanh nhân không thuộc thành phần nhà nước cử, nhưng bây giờ người ta chủ động bỏ vốn kinh doanh, chúng tôi cho rằng đó là những người cực kỳ dũng cảm. Bởi vì trong môi trường kinh doanh hiện nay, rủi ro rất nhiều, do khu vực có khủng hoảng tài chính, nhưng theo tôi, mối rủi ro lớn nhất mà doanh nhân gặp phải lại là những rủi ro do con người tạo ra. Phải thấy rằng doanh nhân bây giờ chịu nhiều phiền hà, sách nhiễu, khổ sở, vất vả lắm. Tuy vậy mà người ta vẫn bỏ vốn ra người ta kinh doanh góp phần làm giàu cho đất nước, thì đáng ca ngợi lắm chứ, đáng tôn vinh lắm chứ. Đây là lớp người thứ nhất cần phải tôn vinh.

+ Lớp người thứ hai cần tôn vinh là các nhà khoa học, ở đây chúng tôi hiểu là cả khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học kỹ thuật. Bởi vì trong lĩnh vực này nếu không có khoa học công nghệ, không có khoa học quản lý, thì không thể kinh doanh có hiệu quả được, kinh tế không lên được.

+ Lớp người thứ ba cần được tôn vinh là các nhà hoạch định chính sách nhất là ở tầm vĩ mô. Chủ trương, chính sách đúng, sai là do lớp người này, do vậy họ có vị trí đặc biệt quan trọng.

Tức là trong kinh tế thị trường có ba lớp người đó cần đặc biệt tôn vinh, thế giới người ta cũng nói rồi. Ở nước ta hiện nay, nói về doanh nghiệp, doanh nhân là một hướng rất quan trọng. Rồi đây, có thể các anh, các chị nghiên cứu đi sâu hơn để xác định được vị trí của những nhà doanh nhân Việt Nam thời đại này, vì họ là những người lính xung kích, những vị tướng trên mặt trận kinh tế. Trong nông nghiệp, đó là các chủ trang trại với các quy mô từ nhỏ đến lớn. Những chủ trang trại, những giám đốc các doanh nghiệp, doanh nghiệp nhà

nước, doanh nghiệp tư nhân... đó là những nhân vật trung tâm trong kinh tế thị trường hiện nay. Thành phần xuất thân của họ có thể là cán bộ, là quân nhân xuất ngũ, có thể là phụ nữ, nam giới, nhà khoa học, v.v... nhưng nói về nghề nghiệp, đó chính là các doanh nhân. Vậy thì, trên giác độ Xã hội học, phải chăng cũng nên nghiên cứu xem doanh nhân Việt Nam ra làm sao: phát sinh, phát triển, đặc điểm, tâm trạng, v.v...

Điều thứ ba mà tôi muốn đề nghị suy nghĩ thêm là bây giờ, chúng ta đang nói nhiều về vấn đề dân chủ. Tôi không rõ là nó có thuộc lĩnh vực nghiên cứu Xã hội học hay không. Tôi nghĩ rằng ta thường nói phát huy dân chủ, nhưng phải nói rõ rằng dân chủ ở đây là quyền dân chủ của người dân chứ không phải dân chủ là cấp nào đó ban bố cho người dân được hưởng dân chủ. Nếu nơi nào đó, người nào đó, cấp nào đó cầm nhầm của dân thì phải trả lại cho dân chứ? Thế thì dân chủ bây giờ là cái gì? Theo chúng tôi, xét từ góc độ kinh tế, thì dân chủ lớn nhất bây giờ phải chăng là để cho dân làm ăn, cụ thể là người dân được làm và được ăn, chứ còn bây giờ muốn “làm” – tức là muốn kinh doanh cũng khó, còn về “ăn”, tức là thu nhập thì cũng chưa được hưởng theo đúng sức mình làm ra. Đó có phải là vấn đề Xã hội học? Nói rộng ra, tôi muốn nói về sự tự do kinh doanh theo luật pháp. Hiện nay, chưa phải là người dân được tự do kinh doanh theo luật pháp. Mặc dù Hiến pháp đã có nói rằng “công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật”; Nghị quyết của Đảng cũng nói “tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển không hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm”. Nhưng trong thực tế, chưa hết tư duy kỳ thị kinh tế dân doanh; một người nào muốn đứng ra kinh doanh vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, từ lúc xin giấy phép, rồi qua bao nhiêu cửa, mấy chục cái dấu mới được đủ các giấy phép hành nghề. Người ta bảo tôi phải qua hơn 150 giấy phép! Thế rồi khi bắt đầu kinh doanh, thì đủ mọi thứ phiền hà, chịu nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra. Mỗi năm, ông giám đốc, một người chủ doanh nghiệp phải bỏ ra rất nhiều thời gian, có khi đến 1/3 thời gian làm việc để tiếp đón thanh tra, kiểm tra... Khi làm ra sản phẩm, có được hưởng phần mình làm ra không, một cách công bằng với sự đóng góp của mình không, hay là vẫn chỉ theo quan niệm cũ tức là phân phối theo lao động. Theo tôi hiểu, phân phối theo lao động chỉ là một hình thức phân phối chứ không phải chỉ có phân phối theo lao động. Trong kinh tế thị trường, còn phải phân phối theo vốn, phân phối theo tài năng kinh doanh. Đây là một vấn đề rất tế nhị, động chạm đến nhiều vấn đề khác nữa là bóc lột là gì, giá trị thặng dư là gì, phân phối ra sao, v.v... Đó là vấn đề quan hệ giữa người với người, là quan hệ giữa cấp lãnh đạo với người dân, quan hệ giữa người dân với nhau, quan hệ giữa nhà nước với dân. Đó có phải là một vấn đề xã hội rất quan trọng hiện nay hay không? Nếu phải thì đề nghị các anh, các chị quan tâm cho. Tôi cho rằng nếu như không trả lại quyền kinh doanh cho người dân, không trả lại cho người dân quyền thụ kết quả lao động của mình, thì lúc bấy giờ, xã hội không thể nào yên được và kinh tế không thể phát triển được, và nước chúng ta tiếp tục cứ tụt hậu mãi.

GS. BÙI ĐÌNH THANH

Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia

Trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn đồng chí Viện trưởng và các đồng chí trong Tòa soạn đã mời tôi dự hội nghị cộng tác viên của Tạp chí. Mang danh nghĩa là cộng tác viên của Tạp chí, nhưng thực sự cái phần các anh cho tôi nhiều hơn cái phần tôi đóng góp cho các anh. Tuy nhiên, trong những năm vừa qua, một trong những Tạp chí tôi nhận được và đọc thường xuyên là Tạp chí Xã hội học.

Tất nhiên có nhiều lý do, lý do nghề nghiệp, lý do tình cảm vì có một thời gian, anh Vũ Khiêu và tôi đã từng làm việc ở Viện Xã hội học từ những buổi đầu trứng nước của nó, và sau đó, tôi đã vui mừng theo dõi từng bước trưởng thành của Viện.

Trong lời phát biểu khai mạc, anh Tương Lai có nói đến một phương hướng nghiên cứu cơ bản của Viện là cơ cấu xã hội - giai cấp và đặc biệt nhấn mạnh đến phương hướng nghiên cứu nông thôn Việt Nam (bao gồm cả kinh tế và xã hội). Tôi rất đồng tình với tư tưởng chỉ đạo đó. Tiện đây, xin nhắc lại một điều. Đầu những năm 90, anh Tương Lai và tôi cùng tham gia chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước mang mã số KX.04 với nội dung nghiên cứu các chính sách xã hội đối với các giai cấp và tầng lớp nhân dân. Điều đáng chú ý là các thành phần của cơ cấu xã hội Việt Nam như công nhân, trí thức, các dân tộc, các tôn giáo, thanh niên, phụ nữ... đều được Chương trình yêu cầu nghiên cứu, nhưng riêng về giai cấp nông dân thì lại đưa sang một Chương trình nghiên cứu khác. Chương trình KX.04 đã nêu lên sự không hợp lý đó và trong báo cáo tổng hợp của mình vẫn có phần nghiên cứu về nông dân.

Gần đây, Trung ương Đảng đã có Nghị quyết về nông nghiệp và nông thôn (để cho đầy đủ thì còn phải thêm nông dân nữa). Đó là một phương hướng lãnh đạo rất đúng đắn (xét về cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa).

Chúng ta không bao giờ được phép quên là gần 80% nhân dân ta vẫn còn sống và lao động sản xuất ở nông thôn. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước một phần rất quan trọng được tiến hành ở nông thôn.

Trong cơn bão tài chính vừa qua tàn phá các nước Đông Nam Á, ảnh hưởng đối với Việt Nam tuy có nhưng không quá nghiêm trọng thì một trong những nguyên nhân chính theo tôi là nhờ có cái “van an toàn” là nông nghiệp và nông thôn phát triển tương đối bền vững. Tuy nhiên, nói như thế không phải là nông nghiệp, nông thôn, nông dân không có vấn đề cần quan tâm giải quyết (việc làm, dân chủ, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần...).

Còn một đối tượng nghiên cứu quan trọng khác mà anh Vũ Quốc Tuấn có nêu lên và tôi hoàn toàn đồng ý là nhà doanh nghiệp tư nhân. Về quan điểm, đường lối của Đảng đối với thành phần xã hội này thì đã rõ ràng, nhưng đi vào thực tế còn nhiều vấn đề phải giải quyết, từ nhận thức, tư tưởng đến các chính sách và thái độ ứng xử của tổ chức Đảng và chính quyền các cấp đối với họ.

Đảng và Nhà nước ta luôn luôn nhấn mạnh đến vấn đề phát huy nội lực. Nội lực ở đây hiểu theo một nghĩa rộng là đào tạo, bồi dưỡng, phát huy năng lực tiềm tàng cả về vật chất và tài năng, trí tuệ của công nhân, nông dân, trí thức, doanh nghiệp tư nhân không ngoài mục đích làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Có một vấn đề hiện nay tôi cho rằng xã hội học cần phải tập trung nghiên cứu. Đó là vấn đề quản lý xã hội nước ta. Bất cứ đồng chí tiếp cận lĩnh vực nào cũng thế từ tư tưởng, chính trị đến kinh tế, xã hội, từ từng ngành, từ vĩ mô đến vi mô, từ Trung ương đến xã, vấn đề quản lý nổi lên rõ rệt. Đối với những chủ thể có thẩm quyền đưa ra các quyết định trong nhiệm vụ quản lý sự phát triển xã hội, vấn đề hàng đầu là phải hiểu biết sâu sắc và xử lý tốt các mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, phát triển con người.

Trong quản lý sự phát triển xã hội, cần chú trọng ba nhu cầu căn bản của xã hội: tính công bằng, tính bền vững, tính vì mọi người. Củng cố và tăng cường hiệu lực của bộ máy Nhà nước là một nhiệm vụ trọng tâm vì nhìn vào hiệu lực của bộ máy Nhà nước có thể đánh giá việc quản lý sự phát triển xã hội tốt hay chưa tốt. Ở đây có hai vấn đề chính phải tập trung sức giải quyết: một là thực hiện cải cách hành chính nhanh hơn, có thực chất hơn. Hai là, kiên quyết và kiên trì chống tham nhũng. Hai vấn đề đó có mối quan hệ hữu cơ. Cải cách hành chính tốt tạo ra những điều kiện để ngăn chặn, giảm bớt tệ nạn tham nhũng. Liên quan đến hai vấn đề đó là vấn đề quyền lực. Quyền lực hiểu không đúng và sử dụng không đúng làm hư hỏng con người, kể cả đối với chế độ xã hội chủ nghĩa.

Những vấn đề nêu trên có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Nhân cuộc họp mặt cuối năm của các cộng tác viên, tôi xin gợi ra một vài phương hướng đề tài để các đồng chí lãnh đạo Viện và Tạp chí tham khảo.

Mong Tạp chí Xã hội học của chúng ta ngày càng có nội dung phong phú, bám sát đời sống thực tế, đồng thời chú trọng nâng cao trình độ lý luận, góp phần quan trọng vào sự phát triển khoa học xã hội ở nước ta.

Đ/C HOÀNG LAN

Phó Chủ tịch thường trực Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam

Tôi là một độc giả chuyên cần của Tạp chí Xã hội học, không phải chỉ vì Giáo sư Tương Lai-Tổng Biên tập Tạp chí, Viện trưởng Viện Xã hội học-là một cộng sự gần gũi với chúng tôi trong Ban Chấp hành Trung ương của Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi, mà còn là vì qua Tạp chí, tôi tìm thấy những gợi ý cho công tác hoạt động của Hội chúng tôi, một hội hướng về những người có số phận không may trong xã hội chúng ta. Chính vì thế, hôm nay, tôi muốn phát biểu một vài suy nghĩ của một người làm công tác xã hội:

Sự rủi ro ít hay nhiều của mỗi con người trong đời sống thường nhật về thể chất, tinh thần và vật chất là khó tránh khỏi. Trong một xã hội có sự cạnh tranh của kinh tế thị trường thì bên cạnh sự giàu sang bao giờ cũng tồn tại cảnh nghèo nàn túng thiếu của một bộ phận dân cư.

Khi đề cập các tầng lớp người nghèo trong xã hội, có lẽ trong chúng ta sẽ nghĩ ngay đến những người nghèo nhất: đó là người tàn tật, cô đơn, mất sức lao động từ 61% trở lên hoặc không còn khả năng lao động, và các cháu nhỏ bị khuyết tật và mồ côi không nơi nương tựa.

Từ ngàn xưa, cộng đồng người Việt Nam với truyền thống đạo lý tương thân tương ái, đã đề cập đến vấn đề này và khuyến khích mọi thành viên trong cộng đồng bằng tình cảm và khả năng của mình cứu trợ lẫn nhau. Điều này được ghi nhận qua những câu ca dao, tục ngữ còn lưu truyền "một miếng khi đói, bằng một gói khi no", "lá lành đùm lá rách", "thương người như thể thương thân"...

Việc chăm lo người tàn tật, trẻ khuyết tật mồ côi thể hiện trình độ văn minh của một đất nước, tinh thần nhân văn của một dân tộc.

Những hoạt động thực tiễn của Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam đã giúp chúng tôi nhận thức được rằng: Người tàn tật cần có sự đồng cảm của cộng đồng chứ không cần sự thương hại của xã hội. Họ không muốn sống như cây tầm gửi hoặc chỉ mong sống trong sự cầu xin. Họ mong nhận được sự giúp đỡ ban đầu cần thiết của cộng đồng, Nhà nước để từ đó tự mình vươn lên, tự cứu, tự tạo dựng cuộc đời có hạnh phúc, khẳng định vị trí của mình trong xã hội và hướng tới tương lai trong sự đùm bọc thương yêu của xã hội, quan tâm chăm lo của Nhà nước.

Việc chăm lo hỗ trợ người tàn tật, từ các cháu nhỏ đến các cụ già cô đơn có hoàn cảnh khó khăn và các cháu mồ côi không nơi nương tựa tuyệt nhiên không phải là sự xin-cho, là kẻ ban ơn và người chịu ơn. Đây là trách nhiệm trước nhau của mỗi thành viên trong cộng đồng xã hội, đồng thời cũng thể hiện được sự công bằng trong xã hội gắn với truyền thống có bề dày tính nhân đạo của dân tộc Việt Nam đã được lịch sử chứng minh. Chúng tôi nghĩ, có lẽ trên trái đất này là điều hết sức quý báu và tự hào có trái tim nhân hậu như trái tim con người Việt Nam. Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi không đơn giản chỉ là việc lo cho có cơm đủ ăn, áo đủ mặc nhất thời trước mắt mà quan trọng hơn là cần phải giúp họ tự tạo dựng một cuộc sống đúng ý nghĩa - có ích cho đời, có trách nhiệm với xã hội góp phần xây dựng một xã

hội công bằng văn minh, đất nước ngày càng giàu đẹp. Vì vậy Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam đã chỉ đạo cho các cấp Hội của mình từ Tỉnh, Thành phố xuống Quận, Huyện, Xã, Phường bằng các hình thức dạy nghề, truyền nghề, tạo việc làm, cho vay vốn không lấy lãi, không thế chấp chỉ cần "một chữ ký" đơn giản về thủ tục, ... đồng thời phối hợp với các ngành chức năng hướng dẫn để giúp họ ổn định việc làm và nâng cao đời sống. Các cháu mồ côi phải được nuôi dưỡng và học hành. Do đó Hội đã và đang tuyên truyền sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân, thực hiện quá trình xã hội hóa công tác nhân đạo với chiều sâu và bề rộng trong toàn xã hội. Song như vậy không có nghĩa chỉ bám vào hầu bao của từng người dân để tăng cường công việc cứu trợ hoặc hỗ trợ mà phải tiến tới quá trình tổ chức toàn xã hội cùng thực hiện ở góc độ nhân đạo.

Số lượng người tàn tật và trẻ mồ côi ngày càng giảm do những tổ chức nhân đạo góp sức với Nhà nước thể hiện ý nghĩa xã hội thiết thực, góp phần đảm bảo an sinh xã hội cho những nhóm xã hội vốn mang nặng sự thiệt thòi này.

Vì vậy chúng tôi nghĩ rằng Nhà nước nên quan tâm và ghi nhận việc làm hữu ích của những tổ chức xã hội nhân đạo, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi đối với những tổ chức xã hội nhân đạo nào hoạt động đúng mục đích đã quy định, góp phần thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước đã đề ra và xem họ là một lực lượng có việc làm hiệu quả góp phần xóa đói giảm nghèo cho mọi đối tượng nghèo trong xã hội, nhất là người tàn tật và trẻ mồ côi.

Trên ý nghĩa đó, tôi mạnh dạn phê bình Tạp chí Xã hội học chưa dành sự quan tâm đúng mức về đối tượng người tàn tật và trẻ mồ côi, một nhóm xã hội hết sức đặc thù mà người nghiên cứu Xã hội học không thể không có sự đầu tư nghiên cứu để đưa ra những kiến nghị về mặt chính sách và giải pháp có cơ sở khoa học. Phê bình như vậy là vì, những người làm công tác thực tiễn chúng tôi rất cần đến lý luận, rất mong nhận được những khuyến cáo từ các nhà khoa học xã hội, đặc biệt là Xã hội học.

Sẽ là sung sướng biết bao cho những người tàn tật và trẻ mồ côi khi họ biết được rằng, có một Tạp chí khoa học chuyên ngành quan tâm đến họ, một nhóm xã hội đặc thù, vạch ra kế hoạch nghiên cứu về đời sống và tâm lý của họ, những khát vọng cháy bỏng của họ, để từ góc độ khoa học mà có tiếng nói về họ. Tôi hy vọng sẽ được đọc những bài nghiên cứu có chất lượng cao và thấm đẫm tình người về số phận của những con người mà xã hội cần có sự quan tâm đặc biệt trên Tạp chí Xã hội học của các đồng chí – một Tạp chí khoa học có uy tín.

Đ/C LÊ ĐỨC THỊNH

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tôi thực tình rất xúc động khi được Tạp chí Xã hội học mời đến dự buổi họp mặt hôm nay. Nhân đây, tôi muốn nói lời cảm ơn đến toàn ban biên tập Tạp chí và cá nhân GS. Tương Lai đã dành một số trang trong Tạp chí số 4 năm 1998 vừa qua để đăng bài viết của tôi cùng với GS. Đào Thế Tuấn. Tôi cũng rất lấy làm vinh dự khi được cộng tác với Tạp chí Xã hội học và với các nhà nghiên cứu khoa học xã hội-những người từng có rất nhiều đóng góp và kinh nghiệm nghiên cứu về sự phát triển con người, xã hội loài người, đặc biệt là xã hội nông thôn Việt Nam.

Là một cộng tác viên mới của Tạp chí và lại là cán bộ nghiên cứu ở lĩnh vực nông nghiệp đến tham dự buổi họp mặt này, tôi không có ý định phát biểu về những ưu điểm hay nhược điểm còn tồn tại của Tạp chí, mà ở đây muốn đề cập đến một vấn đề mang tính phương pháp luận đang được ứng dụng rộng rãi trong nghiên cứu phát triển nông nghiệp, nông thôn trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng trong đó vai trò của khoa học xã hội giữ vị trí hết sức quan trọng. Cá nhân tôi thiết nghĩ rằng sự trao đổi cởi mở để các biên tập viên, các cộng tác viên hiểu nhau, hiểu công việc của nhau cũng sẽ làm tăng chất lượng biên tập, làm

phong phú nội dung Tạp chí và điều đó góp phần làm cho Tạp chí ngày càng có uy tín hơn, được đọc giả, các nhà nghiên cứu chú ý hơn. Và vì thế mà ý kiến này không nằm ngoài mục đích của buổi gặp gỡ cuối năm này. Do thời gian không nhiều, tôi không thể nêu hết tất cả những gì tôi muốn nói xin chỉ tóm tắt làm 2 điểm ngắn gọn dưới đây :

1. Tiếp cận hệ thống, tiếp cận đa ngành và vai trò của khoa học xã hội trong lịch sử nghiên cứu nông nghiệp và phát triển nông thôn

Tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu nông nghiệp là coi nông nghiệp như một hệ thống hoàn chỉnh bao gồm cả môi trường sinh thái cũng như kinh tế xã hội, trung tâm của hệ thống này là hộ nông dân. Việc nghiên cứu phải thống nhất cả khoa học tự nhiên lẫn khoa học xã hội. Theo giáo sư M. Mazoyer, 1985 : "Một hệ thống nông nghiệp trước hết là một phương thức khai thác môi trường, được hình thành và phát triển trong lịch sử, một hệ thống sản xuất thích ứng với điều kiện sinh thái, khí hậu của một không gian nhất định, đáp ứng các điều kiện và nhu cầu xã hội tại một thời điểm"¹.

Tiếp cận đa ngành là tiếp cận mà các bộ môn khoa học khác nhau sẽ cùng nhau nghiên cứu để giải quyết vấn đề. Công tác nghiên cứu phải tiến hành đồng thời với việc phát triển².

Trên thực tế người ta xếp khoa học nông nghiệp vào trong lĩnh vực của khoa học tự nhiên. Đối tượng của khoa học nông nghiệp rất đa dạng, nó có thể là đất đai, khí hậu, cây trồng vật nuôi, các vật thể sống... và kể cả con người nữa. Mục đích cuối cùng của khoa học nông nghiệp là để phục vụ con người, thoả mãn nhu cầu vật chất, nhu cầu việc làm và nhu cầu về môi trường của con người. Như vậy, con người mà tập hợp của nó là xã hội loài người vừa là đối tượng vừa là mục đích của khoa học nông nghiệp. Đây chính là điểm mấu chốt gắn kết khoa học nông nghiệp với các ngành khoa học khác nhất là khoa học xã hội (xã hội học). Tất nhiên ở một vài khía cạnh, một vài chuyên ngành hay ở lúc này lúc khác mối quan hệ giữa khoa học xã hội và khoa học nông nghiệp thể hiện không rõ, nhưng không thể nói rằng các ngành khoa học này không có sự liên quan đến nhau. Tôi lấy ví dụ về một nhà khoa học nghiên cứu về vi sinh vật đất : Phòng thí nghiệm với những máy móc, những chủng vi sinh vật khác nhau là thế giới của anh ta. Nhưng thử hỏi anh ta nghiên cứu các vi sinh vật đất đó để làm gì? Đơn giản là chỉ để cải tạo một loại đất, hay để làm ra một loại phân bón nào đó... thì anh ta cũng phải hiểu được rằng ai đang canh tác trên cái đất ấy, ai đang cần cái loại phân bón ấy... Muốn hiểu được những vấn đề này hoặc cá nhân anh ta, hoặc đồng nghiệp của anh ta phải nghiên cứu thăm dò trên chính người nông dân sống trên mảnh đất cần cải tạo, hoặc những khách hàng đang cần loại phân bón mà anh ta sẽ làm ra. Có ai đảm bảo rằng anh ta hoàn toàn không vận dụng một tí kiến thức nào của khoa học xã hội vào nghiên cứu này? Đó là chưa kể trong ít nhiều trường hợp anh ta đã sử dụng chính các quy luật của xã hội loài người để giải thích các quy luật sinh học của các tập đoàn vi sinh vật, hay ngược lại... Một lĩnh vực nghiên cứu tưởng như khép kín ấy của khoa học tự nhiên mà cũng có mối quan hệ chặt chẽ như thế đối với khoa học xã hội thì thử hỏi các lĩnh vực nghiên cứu khác của khoa học nông nghiệp có liên quan mật thiết đến người nông dân, đến sự phát triển của các cộng đồng người dân nông thôn, và các thực hành sản xuất của họ sẽ có mối quan hệ khăng khít như thế nào đối với khoa học xã hội.

Trên thế giới, cuộc cách mạng nông nghiệp lần thứ nhất thế kỷ XVIII đã làm tăng đáng kể năng suất lao động nông nghiệp - khoảng 40% ở Anh³. Đến cuối thế kỷ XIX, tiến bộ khoa học về sử dụng phân hữu cơ ở châu Âu đã nhanh chóng lôi cuốn sự chú ý của nhiều quốc

¹ Marcel MAZOYER: *Institut National Agronomique Paris-Grignon*. 1985.

² Đào Thế Tuấn: *Về việc phát triển nông thôn*. 1998.

³ Joachim Matthes: *Một số lý luận và phương pháp nghiên cứu con người và xã hội*. Hà Nội-1994.

gia do nó làm tăng rất cao năng suất các cây trồng, và tiến bộ này được phổ cập nhanh chóng trên quy mô toàn cầu. Đặc biệt cuộc cách mạng xanh ở vào những năm 60 của thế kỷ này lần đầu tiên trong lịch sử đã tạo ra vô vàn các giống cây trồng cho năng suất cao chưa từng thấy như giống lúa IR8 của viện lúa IRRI chẳng hạn. Châu Á trong đó có Việt Nam là nơi đi đầu trong cuộc cách mạng này. Công bằng mà nói các tiến bộ kỹ thuật trên đây của khoa học nông nghiệp đã đóng góp rất nhiều công lao cho loài người trong việc vật lộn với nạn đói, nhất là ở các nước đang phát triển. Say xưa với những thành công bước đầu này ở nhiều nơi nảy sinh khuynh hướng duy nhất hoá vai trò của khoa học nông nghiệp mà bỏ qua hay xem nhẹ các tiến bộ của các ngành khoa học khác trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn. Và rồi cuối cùng khi nhìn nhận lại người ta đã phải thốt lên rằng "Càng nỗ lực chúng ta càng uống công"⁴. Các thành quả đạt được từ những tiến bộ trong nông nghiệp nhiều năm qua chỉ làm giảm sự gay gắt của nạn đói chứ không loại trừ được nó thậm chí cũng không giảm được tỷ lệ người bị đói. Ngược lại, tài nguyên các năng lượng cổ sinh vật đã bị khai thác lãng phí, phân vô cơ bị lạm dụng, môi trường bị huỷ hoại ô nhiễm, nông dân thì mất đất, nạn di cư tăng nhanh đến mức không kiểm soát được. Tổng thống Ấn Độ - một nước làm cuộc cách mạng xanh mạnh mẽ nhất, ông Nehru đã phải thừa nhận : "Tôi đã đạt được kết quả là đưa Ấn Độ vào vị trí rất cao trên trường quốc tế, nhưng đã không mang lại cho người dân Ấn Độ miếng ăn xứng đáng"⁵.

Tại sao lại như vậy? Nguyên nhân thì có nhiều nhưng nguyên nhân quan trọng nhất là muốn phát triển nông nghiệp, nông thôn không thể chỉ dựa vào một ngành, một khoa học nào đó. Để xoá bỏ nạn đói, ngoài việc đầu tư phát triển nông nghiệp thông qua đầu tư nghiên cứu các tiến bộ khoa học để thúc đẩy năng suất cây trồng vật nuôi thì cần có sự quy hoạch dân số hợp lý, cần phải có những chính sách về phân phối sao cho công bằng giữa các tầng lớp trong xã hội. Lúc đó khoa học dân số, khoa học kinh tế nông nghiệp... cần được cùng lúc đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng.

Về phương pháp tiếp cận nghiên cứu trong nông nghiệp, phát triển nông thôn theo thời gian cũng có nhiều thay đổi. Có thể nói rằng vào giữa thế kỷ XX, những nghiên cứu - tiếp cận chuyên ngành được áp dụng rộng rãi và nó cũng đưa lại nhiều kết quả đáng trân trọng. Những lí thuyết của các chuyên ngành về nông nghiệp như sinh lí thực vật (các phương pháp mới về lai tạo giống cây trồng...), các lí thuyết về khoa học đất (về nông hoá, thổ nhưỡng như các hệ thống phân loại đất), khoa học thuỷ lợi... được ra đời rất nhiều trong giai đoạn này. Mỗi chuyên ngành này tiếp cận từ những góc nhìn, quan điểm riêng của mình. Việc ứng dụng các thành quả nghiên cứu vào thực tế đã làm cho ranh giới của các chuyên ngành bị lu mờ. Thực tế kiểu tiếp cận có tính chất "cắt đoạn" nói trên dần dần thể hiện các nhược điểm của chúng. Nhiều vấn đề của thực tiễn nêu lên đã không thể giải thích nổi bằng quan điểm của riêng một chuyên ngành nào đó. Cần phải nhìn sự việc, hiện tượng trong mối liên hệ hữu cơ biện chứng hơn. Và người ta đã thấy xuất hiện một cách tiếp cận mới trong nghiên cứu nông nghiệp, phát triển nông thôn, đó là: tiếp cận hệ thống (approches systématiques) và tiếp cận đa ngành (approches disciplinaires). Đây có thể nói là một bước tiến mới khá quan trọng của việc nghiên cứu nông nghiệp, nông thôn. Ở đây lí thuyết hệ thống mà các nhà nghiên cứu xã hội (đại diện thuyết hệ thống của Parsons-người Mỹ) đề xuất và ứng dụng từ giữa thế kỷ XIX⁶ được xem như công cụ hữu ích cho các nhà nông học. Như vậy một lần nữa người ta lại thấy sự hiện diện về mặt phương pháp của khoa học xã hội trong nghiên cứu nông nghiệp và phát triển nông thôn hiện nay. Những quan điểm về tiếp cận hệ thống và tiếp cận đa ngành đã liên tục được ứng dụng và phát triển bởi các nhà nghiên cứu nông nghiệp, phát triển nông

⁴ René DUMONT: *Một thế giới không thể chấp nhận được*. Hà Nội-1990.

⁵ René DUMONT, đã dẫn.

⁶ Joachim Matthes, đã dẫn.

thôn từ vài ba thập kỷ nay. Dựa vào đó các nhà khoa học đã xây dựng nên khái niệm về nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp bền vững...

Khái niệm nông nghiệp sinh thái ra đời thực tế là một sự sửa chữa cách nhìn sai lệch về việc phát triển nông nghiệp và khai thác nguồn lợi tự nhiên trong cách mạng xanh. Thay vì việc khai thác một cách lãng phí các nguồn lực tự nhiên người ta cố gắng sống hoà nhập với thiên nhiên, sử dụng tiết kiệm tối đa năng lượng cố vật. Để làm được việc đó tiếp cận mang tính hệ thống và tiếp cận lịch sử đã được vận dụng để giải quyết vấn đề. Đặc tính nông nghiệp cổ truyền, nông nghiệp bản địa là cơ sở để xây dựng một nền nông nghiệp sinh thái với chất lượng môi trường cao. Tuy nhiên nhược điểm của nông nghiệp sinh thái là năng suất lao động thấp, sản lượng sản phẩm không đáp ứng nhu cầu của con người khi mà dân số không ngừng nâng cao. Và vì vậy khái niệm nông nghiệp bền vững ra đời và rất phổ biến ở thập kỷ 90 này. Đặc biệt tại hội thảo quốc tế về nghiên cứu phát triển nông nghiệp nông thôn tổ chức ở Nam Phi tháng 11 năm 1998, giáo sư Jules Pretty đã đưa ra khái niệm về nguồn lực xã hội (Social capital), theo ông: "Nguồn lực của một xã hội là sự gắn kết của những con người trong xã hội đó và nó bao gồm các mối quan hệ dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau (lòng tin) để tăng mức độ hợp tác. Nó là một mớ các quy tắc, chuẩn mực và các chế tài dùng để điều khiển, trao đổi và tương trợ lẫn nhau. Nguồn lực xã hội gắn liền với các thể chế xã hội dân sự"⁷. Với khái niệm này người ta đã bổ xung cho quan điểm trước đây cho rằng để phát triển người ta chỉ cần 4 nguồn lực: Nguồn lực tự nhiên (đất đai, khí hậu...), nguồn lực con người (số dân, chất lượng lao động...), nguồn lực tài chính, và nguồn lực vật chất - cơ sở hạ tầng. Vấn đề nguồn lực xã hội khá phức tạp tùy thuộc vào từng lĩnh vực và để giải thích nó cần có sự tiếp cận đa ngành với sự tham gia của nhiều bộ môn khoa học xã hội.

Như vậy là tôi đã điếm qua một cách sơ sài về tiếp cận hệ thống, tiếp cận đa ngành và vai trò của các khoa học xã hội trong nghiên cứu về nông nghiệp và phát triển nông thôn. Ở đây người ta có thể đặt ra câu hỏi: Vậy ứng dụng của các phương pháp tiếp cận này trong nghiên cứu nông nghiệp ở Việt Nam như thế nào?

2. Tiếp cận hệ thống, tiếp cận đa ngành và khoa học xã hội trong nghiên cứu phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam

Trong những năm qua Đảng và Nhà nước đã rất quan tâm đến công cuộc xây dựng đất nước nhất là nông nghiệp, nông thôn. Nghị quyết khoán 10 năm 1988, Luật đất đai năm 1993 và đặc biệt là tại Đại hội Đảng lần thứ VIII (1997), Đảng ta đã nêu ra nhiệm vụ hiện đại hoá đất nước, công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn giai đoạn từ nay đến 2020... tất cả những cái đó đang là tiền đề cho những bước phát triển mới của xã hội. Mỗi sự phát triển của đất nước cũng trở thành một sự kiện của xã hội bởi anh hùng trong công cuộc kiến thiết xây dựng đất nước cũng đáng tự hào như anh hùng trong chống giặc ngoại xâm. Và các khoa học xã hội phải tham gia tích cực vào các sự kiện xảy ra trên đất nước.

Ở Việt Nam trong quá trình tổ chức nghiên cứu phát triển nông nghiệp và nông thôn, Giáo sư-Viện sĩ Đào Thế Tuấn đã từng nhận xét : "Dân dần, nhất là sau năm 1988 với việc quay trở về của nền kinh tế gia đình nông dân, việc nghiên cứu về Hệ thống nông nghiệp càng trở nên cấp thiết hơn, vì nếu không hiểu được hộ nông dân phát triển như thế nào thì không thể tác động vào nông nghiệp được. Trong nội dung nghiên cứu, thành phần của khoa học xã hội ngày càng quan trọng hơn vì các cản trở phát triển lại thuộc lĩnh vực này"⁸.

⁷ Jules Pretty: *Social Capital and Sustainable Livelihoods*. Centre for Environment and Society, University of Essex, UK, 1998.

⁸ Đào Thế Tuấn: *Nông nghiệp trong vùng đồng bằng sông Hồng trong thời kì cải cách hiện nay*. Hà Nội-1995.

Đứng trước những đòi hỏi mới của thực tế đang diễn ra và nhận rõ được vai trò của các phương pháp tiếp cận hệ thống, tiếp cận đa ngành trong nghiên cứu và phát triển nông thôn, ngay từ năm 1988 Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam đã thành lập bộ môn nghiên cứu Hệ thống nông nghiệp. Có thể nói ở Việt Nam đây là đơn vị nghiên cứu đa ngành về nông nghiệp và phát triển nông thôn ra đời sớm nhất ở nước ta. Các nhà nghiên cứu ở đây thuộc về nhiều chuyên ngành khác nhau như kinh tế học, khoa học đất, khoa học trồng trọt, chăn nuôi.... Nhiệm vụ của bộ môn này là nghiên cứu các giải pháp và chiến lược cho việc đẩy mạnh sự phát triển nông nghiệp nông thôn và xây dựng các phương pháp luận để chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân. Đối tượng nghiên cứu của Hệ thống nông nghiệp là thực tiễn sản xuất nông nghiệp và nông thôn. Phương pháp tiếp cận đa ngành và tiếp cận hệ thống được sử dụng như những phương pháp tiếp cận nghiên cứu chính với một hệ thống các điểm nghiên cứu chọn trong các vùng sinh thái khác nhau. Một chương trình hợp tác Pháp - Việt có tên là "Hệ thống nông nghiệp lưu vực sông Hồng" cũng được triển khai nghiên cứu trong hơn 10 năm qua. Nhờ đó mà chúng tôi đã theo dõi được sát sao các thay đổi đang xảy ra ở nông thôn. Chúng tôi không đặt ra những nội dung nghiên cứu định trước một cách cứng nhắc, mà để cho thực tế sản xuất quyết định chúng. Hiện nay các vấn đề mà thực tế đặt ra chưa phải đã được đề cập hết và được giải quyết trọn vẹn, nhưng rõ ràng đây là những công việc nghiên cứu lí thú và bổ ích. Các kết quả nghiên cứu, nhất là về mặt phương pháp luận đã giúp ích nhiều cho việc nghiên cứu phát triển nông thôn. Dưới đây chúng tôi xin điểm qua một số vấn đề xuất hiện trong thực tiễn nghiên cứu phát triển nông nghiệp, nông thôn hiện nay. Và theo chúng tôi thì cần có nhiều ngành khoa học, đặc biệt là khoa học xã hội cùng tham gia để giải quyết các vấn đề này.

Tổ chức nông dân và nghiên cứu vấn đề hợp tác của nông dân đang là vấn đề đặt ra cấp thiết cho sự phát triển nông thôn. Những năm qua thể chế kinh tế hộ nông dân đã cho phép khai thác tiềm năng sẵn có của nông nghiệp (đất đai, lao động, vốn) làm cho chỉ số tăng trưởng nông nghiệp luôn đạt ở mức cao. Nhưng nông nghiệp chỉ phát triển mạnh hơn khi sản xuất của hộ nông dân vượt qua ngưỡng tự cung tự cấp trở thành sản xuất hàng hoá. Ở nhiều nơi trong cả nước tiến trình này đang diễn ra rất sôi động. Lúc đó nhu cầu xã hội hoá sản xuất của nông dân hay nói cách khác nhu cầu tham gia vào thị trường của nông dân tăng lên. Lẽ đương nhiên các tổ chức hợp tác của nông dân trong dịch vụ cung ứng và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, trong việc đấu tranh với thị trường để chống ép giá và tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm sẽ ra đời. Nhưng hiện nay chúng ta vẫn chưa hiểu nguyên nhân nào mà ở Việt Nam hầu như vắng bóng các hợp tác xã cung ứng và tiêu thụ sản phẩm, những loại hình hợp tác xã bảo hộ cho sản xuất của nông dân, tránh sự bóc lột của thị trường? Có người cho rằng sự kém phát triển của hợp tác nông dân nói chung và các hợp tác xã dịch vụ đầu vào đầu ra cho nông nghiệp là do chúng ta mới quay lại với kinh tế thị trường, kinh tế hàng hoá nông hộ vẫn chưa phát triển tới mức cần thiết, khi nào nó phát triển mạnh ắt sẽ ra đời các loại hợp tác xã này. Nhưng người ta có thể đặt ra câu hỏi vậy tại sao ở đồng bằng sông Cửu Long sản xuất lúa gạo hàng hoá phát triển như vậy nhưng chúng ta vẫn không có những hợp tác xã tiêu thụ lúa gạo? Chúng tôi cho rằng để hiểu được điều này không thể chỉ dừng ở tiếp cận kinh tế học mà khoa học lịch sử, và các ngành khoa học xã hội khác cần phải cùng tham gia để giải quyết vấn đề.

Nghiên cứu hoàn chỉnh những thể chế, chính sách hỗ trợ cho thể chế hộ nông dân, tôi rất đồng tình với ý kiến phát biểu cho rằng cần phải tạo môi trường kinh tế xã hội tốt hơn nữa cho việc hình thành và phát triển các doanh nghiệp, trong đó hộ nông dân cũng được coi là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Kinh tế nông hộ đã và đang phát triển mạnh mẽ ở nước ta nhưng thực tế đang đặt ra những vấn đề mang tính lí luận và thực tiễn. Liệu kinh tế trang trại ở các tỉnh trung du miền núi phía bắc sẽ phát triển ra sao và đi đến đâu? Ở những vùng sinh thái khác loại hình kinh tế trang trại như trên liệu có phù hợp? Còn ở đồng bằng

sông Hồng sức ép dân số và những bài học rút ra sau khủng hoảng tài chính của nhiều nước trong khu vực cho thấy hy vọng rút lao động ra khỏi nông nghiệp để tập trung đất, tăng quy mô sản xuất của nông hộ là rất khó thực hiện trong tương lai gần. Vậy giải pháp ở đây là gì? Có một cách phát triển sản xuất hàng hoá trước mắt để tăng thu nhập cho nông dân là dựa trên quy mô ngành hàng của mỗi loại sản phẩm. Nhưng như vậy ngoài việc nghiên cứu thúc đẩy sự hợp tác của nông dân phát triển lên để họ có khả năng tạo ra khối lượng hàng hoá đáp ứng nhu cầu thị trường, thì cũng yêu cầu nghiên cứu các chính sách điều phối của nhà nước đối với các tác nhân trong từng ngành hàng, đào tạo nông dân đưa họ lên vị trí của một đối tác tin cậy trong ngành hàng đó. Mặt khác, cũng cần phải có một hệ thống tín dụng nông thôn đa dạng năng động bao gồm cả tín dụng ngân hàng và tín dụng nhân dân cung cấp vốn cho sự phát triển theo yêu cầu.

Thứ nữa là vấn đề nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật cho hộ nông dân. Thay vì cho xu thế áp đặt từ trên xuống, những nghiên cứu cần phải được bắt đầu từ việc chẩn đoán để xác định những trở ngại chủ yếu của nông dân khi tiếp thu khoa học kỹ thuật. Phải tìm hiểu các kiến thức và cách giải quyết các vấn đề của nông dân để kết hợp với các kỹ thuật mới. Các vấn đề của phát triển phải giải quyết một cách tổng hợp, cả về mặt kỹ thuật, kinh tế xã hội... khuyến nông không đơn thuần chỉ có nhiệm vụ dịch vụ kỹ thuật cho nông dân mà khuyến nông có nhiệm vụ phải giải quyết các vấn đề của mối quan hệ hữu cơ nông dân, nông nghiệp và nông thôn.

TS. ĐẶNG NGUYỄN ANH
Viện Xã hội học

Với tư cách là một thành viên của Viện Xã hội học, đã từng đóng góp các bài nghiên cứu cho Tạp chí trong hơn 10 năm qua, tôi xin có một số ý kiến đóng góp cho Tạp chí của chúng ta. Thực ra mà nói, ngay khi tôi bắt đầu tham gia viết bài cho Tạp chí Xã hội học từ cách đây khá lâu, tôi luôn mong muốn rằng chúng ta sẽ không rập khuôn so với các Tạp chí khác của Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, cũng như có thể so sánh với các Tạp chí nước ngoài về chuyên ngành Xã hội học. Đến hôm nay, tôi rất phấn khởi nhận thấy chúng ta đã thực hiện điều đó về cơ bản. Trước hết, về mặt độc giả, chúng ta đã có những độc giả rộng khắp đất nước. Trước đây tôi cho rằng chỉ một số người quan tâm và đến với Xã hội học, muốn tìm hiểu về các vấn đề xã hội thì họ mới đọc Tạp chí của chúng ta. Thế nhưng trong một vài năm trở lại đây, đối tượng của Tạp chí đã được mở rộng.

Tôi có thể kể cho các anh chị một ví dụ để thấy được điều đó: cách đây hai tháng, trên đường ra sân bay đi công tác, tôi và anh lái xe tắc xi đã nói chuyện, hỏi thăm nhau và khi biết tôi ở Viện Xã hội học, anh ta nói “tôi đã đọc Tạp chí của các anh rồi”. Tôi thấy ngạc nhiên vì nghĩ rằng Tạp chí của chúng ta không phải là loại Tạp chí mà một anh lái tắc xi có thể thích tìm đọc. Thậm chí anh lái xe còn nhớ nội dung của một số bài viết. Đây là một ví dụ tôi muốn nói ở đây về độc giả trong nước của chúng ta. Nhưng đặc biệt là chúng ta còn có những độc giả ở nước ngoài, mặc dù họ không phải là độc giả thường xuyên như các Tạp chí khác của các Viện nghiên cứu trong Trung tâm. Các độc giả này đã rất quan tâm đến các vấn đề mà chúng ta nghiên cứu. Trường Đại học Brown (Hoa Kỳ), nơi đã đào tạo tôi trong những năm qua, cũng rất mong muốn nhận được Tạp chí Xã hội học. Tôi còn nhớ hồi tôi ở bên đó được Giáo sư Tương Lai gửi cho 3 cuốn Tạp chí, nhà trường đã trân trọng để ngay vào Thư viện Brown. Mặc dù họ biết là đối tượng đọc được tiếng Việt không phải là nhiều nhưng họ rất quý bởi đây là nguồn tư liệu mới và hết sức phong phú về xã hội Việt Nam. Tôi mong thời gian tới, nếu như được phép của đồng chí Tổng Biên tập chúng ta có thể gửi chào hàng hoặc miễn phí một vài số đến các trường Đại học lớn trên thế giới.

Vấn đề tiếp theo tôi muốn đề cập là tương lai phát triển của Tạp chí. Tôi thấy rằng trong 2 năm trở lại đây, Tạp chí đã có những hướng đi rất mới về nội dung. Trong thời gian qua, Tạp chí của chúng ta đã mạnh dạn đưa vào những vấn đề có tính cập nhật của sự biến đổi xã hội trong bối cảnh của đất nước. Nhất là về phương pháp nghiên cứu, tôi nhận thấy rằng các bài viết của Tạp chí đã được nâng cấp lên rất nhiều. Cụ thể là Tạp chí Xã hội học số 4/1998 mà các anh chị có trong tay hôm nay đã có những phương pháp phân tích số liệu định tính và định lượng rất mới mà nhiều Tạp chí khác ở trong Trung tâm hiện chưa có được. Ngay cả một số Tạp chí bên ngoài mà tôi hay tham gia viết bài thì họ cũng nói với tôi là có lẽ Tạp chí của Viện Xã hội học vững vàng hơn về chuyên môn. Tạp chí Xã hội học của chúng ta đã khẳng định cố gắng đảm bảo tính chuyên sâu của một Tạp chí chuyên ngành mà Giáo sư Tổng Biên tập luôn luôn nhắc nhở và cho đến hôm nay, tôi nghĩ rằng Tạp chí Xã hội học của chúng ta đã phấn đấu theo hướng giữ được chất lượng cao về học thuật.

Tôi chỉ muốn có một lưu ý nho nhỏ là về số trang và về phong chữ. Có một số độc giả nói với tôi là phong chữ của Tạp chí còn bé quá, mà hiện nay số độc giả cần kính thì nhiều lên. Vậy thì nên chăng cần tăng phong chữ lên? Làm như vậy thì có thể phải tăng số trang Tạp chí hoặc phải cắt bỏ số bài đi. Cuối cùng, tôi muốn nói rằng, là một cán bộ nghiên cứu Xã hội học, bản thân tôi rất muốn đóng góp nhiều hơn nữa cho Tạp chí. Thậm chí nếu được tòa soạn cho phép, chúng tôi có thể đưa ra được các số chuyên ngành nhiều hơn ngoài những số chung mang tính tổng hợp, đa ngành và liên ngành. Đây là điều mà các cán bộ trong Viện muốn khẳng định mình qua hoạt động của Tạp chí Xã hội học nhằm tiến tới xây dựng một Tạp chí có tính học thuật cao và mạnh về lý thuyết và phương pháp.

Cán bộ Viện Xã hội học và nhà xã hội học của Đại học York (Vương quốc Anh) trong một buổi trao đổi với Bảo hiểm Y tế thành phố Hải Phòng, ngày 25.1.1999, trong dự án "Hệ thống chăm sóc sức khỏe và Bảo hiểm Y tế tự nguyện ở Việt Nam"